

Số: 137 /BC-HĐND

Kbang, ngày 18 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện phân bổ và sử dụng ngân sách theo Nghị quyết HĐND huyện

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 23/7/2018 của HĐND huyện về *chương trình giám sát năm 2019 của HĐND huyện*, Thường trực HĐND huyện đã ban hành Quyết định số 120/QĐ-HĐND ngày 15/11/2019 của Thường trực HĐND huyện về *thành lập Đoàn giám sát về kết quả thực hiện phân bổ và sử dụng ngân sách theo Nghị quyết HĐND huyện* với thành phần gồm: Thường trực HĐND huyện, Trưởng và Phó các Ban của HĐND huyện, mời: đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN huyện.

Đoàn giám sát đã trực tiếp làm việc với UBND huyện, phòng Tài chính – Kế hoạch, Chi cục Thuế, Kho bạc huyện và các xã, thị trấn về kết quả thực hiện phân bổ và sử dụng ngân sách theo Nghị quyết HĐND huyện. Thường trực HĐND huyện báo cáo kết quả như sau:

I. Kết quả thực hiện việc phân bổ và sử dụng ngân sách theo Nghị quyết HĐND huyện:

1. Đối với cấp huyện:

a. Kết quả thu ngân sách:

- Năm 2017:

Tổng thu ngân sách là 476.387.796 ngàn đồng, đạt 140% so với dự toán, trong đó:

+ Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp 33.556.109 ngàn đồng, đạt 131,4% so với dự toán (*Thu tiền sử dụng đất 10.762.253 ngàn đồng, đạt 195,7% so với dự toán; các khoản thu cân đối chi thường xuyên 22.793.856 ngàn đồng, đạt 105,9% so với dự toán*).

+ Thu bù sung từ ngân sách cấp tỉnh 390.096.272 ngàn đồng đạt 125,5%.

+ Thu các khoản quản lý thông qua ngân sách 4.793.210 ngàn đồng đạt 330,5% so với dự toán.

+ Thu kết dư ngân sách sáu 36.812.456 ngàn đồng (*Cấp huyện 31.944.132 ngàn đồng, NS cấp xã 4.868.324 ngàn đồng*).

+ Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang 10.923.749 ngàn đồng (*Cấp huyện 9.238.031 ngàn đồng, NS cấp xã 1.685.718 ngàn đồng*).

+ Thu khác 207.000 ngàn đồng.

- Năm 2018:

Tổng thu ngân sách: 514.683.339 ngàn đồng, đạt 133,5% so với dự toán, tăng 8% so với năm trước, trong đó:

+ Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp 34.633.209 ngàn đồng, đạt 199,6% dự toán (*Thu tiền sử dụng đất 9.079.362 ngàn đồng, đạt 141,9% so với dự toán; Các khoản thu cân đối chi thường xuyên 28.371.000 ngàn đồng, đạt 90,1% so với dự toán*).

+ Thu bù sung từ ngân sách cấp tỉnh 361.150.737 ngàn đồng, đạt 108,1% so với dự toán.

+ Thu các khoản quản lý thông qua ngân sách 2.412.338 ngàn đồng đạt 212,5% so với dự toán.

+ Thu kết dư ngân sách sáu tháng 70.028.085 ngàn đồng (*Cấp huyện 53.207.736 ngàn đồng, NS cấp xã 16.820.349 ngàn đồng*).

+ Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang năm 2018: 45.254.817 ngàn đồng (*Cấp huyện 44.341.422 ngàn đồng, NS cấp xã 913.395 ngàn đồng*).

+ Thu khác 1.104.254 ngàn đồng.

- *Năm 2019 (Ước thực hiện đến 31/12/2019):*

Tổng thu ngân sách: 618.796.325 ngàn đồng, đạt 156% so với dự toán, tăng 20,23% so với năm trước, trong đó:

+ Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp 43.077.923 ngàn đồng, đạt 120,6% so với dự toán (*Thu tiền sử dụng đất 14.600.000 ngàn đồng, đạt 182,5% so với dự toán; Các khoản thu cân đối chi thường xuyên 28.477.923 ngàn đồng, đạt 102,7% so với dự toán*).

+ Thu bù sung từ ngân sách cấp tỉnh 456.454.190 ngàn đồng, đạt 132,5% so với dự toán.

+ Thu các khoản quản lý thông qua ngân sách 1.539.198 ngàn đồng.

+ Thu kết dư ngân sách sáu tháng 78.440.088 ngàn đồng (*Cấp huyện 60.179.226 ngàn đồng, NS cấp xã 18.260.862 ngàn đồng*).

+ Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang 38.590.183 ngàn đồng (*Cấp huyện 37.358.142 ngàn đồng, NS cấp xã 1.232.041 ngàn đồng*).

+ Thu khác 694.743 ngàn đồng.

b. Kết quả chi ngân sách:

- *Năm 2017:*

Tổng chi NS là 406.359.711 ngàn đồng, đạt 120,3% so với dự toán, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển 43.867.396 ngàn đồng, đạt 208,4% so với dự toán.

+ Chi thường xuyên 314.038.199 ngàn đồng, đạt 101,7% so với dự toán.

+ Chuyển nguồn ngân sách sang năm sau 45.254.817 ngàn đồng.

+ Kết dư ngân sách 70.028.085 ngàn đồng.

- *Năm 2018:*

Tổng chi NS là 436.243.251 ngàn đồng, đạt 113,2% so với dự toán, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 59.107.178 ngàn đồng, đạt 172,5% so với dự toán.

+ Chi thường xuyên: 333.738.78 ngàn đồng, đạt 98,2% so với dự toán.

+ Chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: 38.590.183 ngàn đồng.

+ Kết dư ngân sách: 78.440.088 ngàn đồng.

- Năm 2019 (Ước thực hiện đến 31/12/2019):

Tổng chi NS: 566.312.577 ngàn đồng, đạt 142,8% so dự toán.

+ Chi đầu tư phát triển: năm 156.850.000 ngàn đồng, đạt 409% so dự toán.

+ Chi thường xuyên: 397.467.663 ngàn đồng, đạt 113,5% so dự toán.

+ Kết dư ngân sách: 52.483.748 ngàn đồng.

(Có phụ lục số 01, 02 kèm theo)

2. Đối với cấp xã:

a. Kết quả thu ngân sách:

Theo báo cáo của các xã, thị trấn tổng thu ngân sách trên địa bàn các xã, thị trấn cụ thể:

- Năm 2017:

Tổng thu ngân sách: 113.382.760 ngàn đồng, đạt 149,3% so, trong đó:

+ Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp 8.361.684 ngàn đồng, đạt 123,8% so với dự toán (*Thu tiền sử dụng đất 1.488.529 ngàn đồng; Các khoản thu cân đối chi thường xuyên 6.913.155 ngàn đồng, đạt 141,1% so với dự toán*).

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện: 96.301.155 ngàn đồng, đạt 139,2% so với dự toán.

+ Thu các khoản quản lý thông qua ngân sách: 2.165.310 ngàn đồng.

+ Thu kết dư ngân sách 4.868.323 ngàn đồng.

+ Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 1.685.717 ngàn đồng.

- Năm 2018:

Tổng thu ngân sách: 131.945.870 ngàn đồng, đạt 158,3% so với dự toán, trong đó:

+ Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 10.137.788 ngàn đồng, đạt 100,8% so với dự toán (*Thu tiền sử dụng đất 1.619.228 ngàn đồng, đạt 102% so với dự toán; Các khoản thu cân đối chi thường xuyên: 8.518.559 ngàn đồng, đạt 148,8% so với dự toán*).

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện: 101.476.313 ngàn đồng, đạt 138,9% so với dự toán.

+ Thu các khoản quản lý thông qua ngân sách: 2.506.228 ngàn đồng.

+ Thu kết dư ngân sách: 16.820.349 ngàn đồng.

+ Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 913.394 ngàn đồng.

- Năm 2019 (Ước thực hiện đến 31/12/2019):

Tổng thu ngân sách: 147.067.956 ngàn đồng, đạt 187,2% so với dự toán, trong đó:

+ Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 9.024.873 ngàn đồng, đạt 83,8% so với dự toán (*Thu tiền sử dụng đất: 1.516.890 ngàn đồng, đạt 86,2% so với dự toán; Các khoản thu cân đối chi thường xuyên: 7.507.983 ngàn đồng, đạt 83,3% so với dự toán*).

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện: 116.102.656 ngàn đồng, đạt 171,7% so với dự toán, trong đó:

- + Thu các khoản quản lý thông qua ngân sách: 2.433.002 ngàn đồng.
- + Thu kết dư ngân sách: 18.260.862 ngàn đồng.
- + Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 1.232.040 ngàn đồng.

b. Kết quả chi ngân sách.

- Năm 2017:

Tổng chi ngân sách: 96.562.412 ngàn đồng, đạt 116,6% so với dự toán, trong đó:

- + Chi cân đối ngân sách: 78.340.658 ngàn đồng, đạt 101,7% so với dự toán.
- + Chi các chương trình MTQG: 16.013.985 ngàn đồng, đạt 279% so với dự toán.
- + Chuyển nguồn: 2.196.768 ngàn đồng.
- + Kết dư: 16.820.349 ngàn đồng.

- Năm 2018:

Tổng chi ngân sách: 113.684.895 ngàn đồng, đạt 120,7% so với dự toán, trong đó:

- + Chi cân đối ngân sách: 94.493.867 ngàn đồng, đạt 110% so với dự toán.
- + Chi các chương trình MTQG: 16.316.008 ngàn đồng, đạt 198,2% so với dự toán.
- + Chuyển nguồn: 2.743.681 ngàn đồng.
- + Kết dư: 18.260.862 ngàn đồng.

- Năm 2019 (Ước thực hiện đến 31/12/2019):

Tổng chi ngân sách: 135.951.585 ngàn đồng, đạt 139,2% so với dự toán, trong đó:

- + Chi cân đối ngân sách: 85.277.178 ngàn đồng, đạt 107,7% so với dự toán.
- + Chi các chương trình MTQG: 44.429.172 ngàn đồng, đạt 239,9% so với dự toán.
- + Chuyển nguồn: 6.150.000 ngàn đồng.
- + Kết dư: 11.116.370 ngàn đồng.

(Có phụ lục số 03 kèm theo)

II. Nhận xét, đánh giá:

1. Ưu điểm:

- Qua 03 năm (từ năm 2017 đến năm 2019) thực hiện đề án phân cấp ổn định nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐND ngày 27/12/2016 của HĐND huyện, nhìn chung cơ bản phù hợp, đảm bảo nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn huyện.
 - Các nội dung, tiêu chí phân cấp rõ ràng; tỷ lệ điều tiết ngân sách giữa cấp huyện và xã phù hợp với điều kiện thực tế tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện.
 - Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho cấp xã đã tạo sự chủ động để các cấp ngân sách quan tâm khai thác nguồn thu, phân bổ và sử dụng hợp lý ngân sách, giảm được cơ chế “xin cho” trong điều hành ngân sách.
 - Trên cơ sở Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐND ngày 27/12/2016, hàng năm HĐND huyện ban hành Nghị quyết để phân bổ dự toán ngân sách cho các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo nội dung và định mức.

- Tổng thu ngân sách của huyện và các xã, thị trấn hàng năm đều đạt và vượt so với dự toán HĐND huyện giao, tăng so với cùng kỳ năm trước.

- Các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn cơ bản sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích để phục vụ hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.

2. Khó khăn, tồn tại:

Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc phân bổ và sử dụng ngân sách vẫn còn những khó khăn, tồn tại:

- Tổng thu cân đối tại địa phương qua các năm đều hoàn thành và vượt mức dự toán HĐND huyện giao nhưng các khoản thu cân đối chi thường xuyên không đạt⁽¹⁾.

- Công tác phối hợp triển khai thu ngân sách ở cấp xã chưa được quan tâm, nhất là một số khoản thu cân đối chi thường xuyên ở một số xã không đạt dẫn đến không đảm bảo nguồn chi, nhất là năm 2019, theo số liệu báo cáo một số xã dự kiến không đạt⁽²⁾.

- Một số khoản thuế chưa được khai thác triệt để, còn thắt thu trên lĩnh vực: Kinh doanh vận tải, cây lâu năm thu hoạch một lần, thuế xây dựng cơ bản nhà tư nhân...

- Việc phối hợp giữa Chi cục Thuế với UBND các xã, thị trấn và các cơ quan liên quan chưa được tốt, dẫn đến việc xác định tài sản trên đất khi chuyển quyền sử dụng đất hầu như không thực hiện được, nên chưa huy động được nguồn thu này vào ngân sách.

- Chưa triển khai thu tiền thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nông nghiệp vượt hạn điền,

- Ngân sách cấp huyện có một số khoản chi đạt thấp⁽³⁾; số kinh phí chuyển nguồn, kết dư hàng năm lớn⁽⁴⁾.

- Việc điều hành ngân sách của một số xã chưa thực hiện tốt, nhiệm vụ chi được phân cấp cho xã nhiều nhưng không triển khai thực hiện hết⁽⁵⁾; một số nhiệm vụ chi đạt thấp⁽⁶⁾, đầu năm không đưa vào dự toán chi một số khoản⁽⁷⁾, trong khi đó tồn kết dư ngân sách còn rất lớn⁽⁸⁾.

¹ Cấp huyện: năm 2018 đạt 90,1%; Năm 2019: cấp huyện dự kiến đạt 102,8% nhưng cấp xã dự kiến đạt 83,3% (nhiều xã không đạt kế hoạch).

² Thị trấn Kbang, năm 2019 thu chi đạt 81%, hụt thu 813.000 ngàn đồng; Nghĩa An đạt 82,7%; xã Đông: 66%, Kong Long Khong: 83,38%...

³ Sư nghiệp môi trường; dự phòng ngân sách.

⁴ Kết dư cấp huyện: Năm 2017 là 53.207.736 ngàn đồng; năm 2018: 60.179.226 ngàn đồng; Chuyển nguồn: năm 2017: 44.341.422 ngàn đồng; năm 2018: 37.358.142 ngàn đồng.

⁵ Chi quản lý sửa chữa đường giao thông, thủy lợi.

⁶ Chi sự nghiệp giáo dục – Đào tạo; Chi sự nghiệp môi trường; chi phát thanh, truyền thanh; chi dự phòng....

⁷ Chi cho các tổ chức xã hội, chi giám sát cộng đồng; chi ban thanh tra nhân dân; chi tủ sách pháp luật.

⁸ Xã Krong: năm 2017 là 1.411 triệu đồng, năm 2018: 2.238,4 triệu đồng, năm 2019: 1.268,5 triệu đồng; xã Tơ Tung: năm 2017: 1.471,9 triệu đồng, năm 2018: 1.171,3 triệu đồng, năm 2019: 320,6 triệu đồng; xã Sơn Lang: năm 2017: 1.254,3 triệu đồng, năm 2018: 1.716,6 triệu đồng, năm 2019: 1.062,7 triệu đồng; xã Sơ Pai: năm 2017: 1.241,4 triệu đồng, năm 2018: 1.656,2

- HĐND cấp xã chưa thực hiện tốt vai trò trong việc quyết định dự toán ngân sách cấp mình. Đội ngũ kế toán ở cấp xã còn yếu, thiếu kinh nghiệm trong công tác tham mưu cho HĐND và UBND phân bổ và điều hành ngân sách.

- Một số chính sách mới thay đổi, bổ sung nhiệm vụ, định mức chi nhưng không được bổ sung kinh phí, ngân sách mỗi cấp phải tự cân đối⁽⁹⁾ nên một số xã gặp nhiều khó khăn.

- Có nhiều chính sách thay đổi thu ngân sách theo hướng miễn, giảm thuế, phí và lệ phí nhưng dự toán thu giao thực hiện hàng năm không giảm.

III. Đề xuất, kiến nghị:

1. Đối với UBND huyện:

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, tổng hợp những bất cập ở các địa phương, đơn vị trong việc thực hiện Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐND ngày 27/12/2016 của HĐND huyện về Đề án phân cấp ổn định nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2017-2020 để làm cơ sở xây dựng Đề án phân cấp ổn định nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo ngành Thuế phối hợp tốt với UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai quản lý, khai thác các nguồn thu chưa quản lý tốt của lĩnh vực: cây lâu năm thu hoạch một lần, kinh doanh vận tải, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản trên đất, đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân vượt hạn điền...

2. Đối với Phòng Tài chính – Kế hoạch:

- Chủ động rà soát, tổng hợp các vướng mắc ở các địa phương, đơn vị để đánh giá kết quả thực hiện Đề án phân cấp ổn định nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2017-2020 làm cơ sở tham mưu xây dựng Đề án phân cấp ổn định nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn cho đội ngũ kế toán của các xã; hướng dẫn cho các xã vướng mắc khi thực hiện một số nội dung chi: việc hỗ trợ, động viên, khen thưởng cho học sinh trên địa bàn các xã, thị trấn; chi cho các Ban, Hội ở cơ sở; kinh phí sự nghiệp môi trường; kinh phí hỗ trợ cho những người ở thôn, làng, tổ dân phố nghỉ khi sáp nhập theo Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh.

- Xem xét một số nội dung các xã, thị trấn đề nghị: giao kinh phí huấn luyện dân quân phù hợp với chỉ tiêu giao huấn luyện; bố trí thêm kinh phí cho các xã có

⁸ triệu đồng, năm 2019: 1.157,2 triệu đồng; xã Nghĩa An: năm 2017: 850,9 triệu đồng, năm 2018: 965,3 triệu đồng, năm 2019: 816,3 triệu đồng; xã Kon Pne: năm 2017: 1.615,4 triệu đồng, năm 2018: 1.117 triệu đồng, năm 2019: 851,1 triệu đồng; xã Kông Long Khong: năm 2017: 1.454,1 triệu đồng, năm 2018: 1.132,5 triệu đồng, năm 2019: 888,3 triệu đồng; xã Lơ Ku: năm 2017: 1.361,53 triệu đồng, năm 2018: 1.172,7 triệu đồng, năm 2019: 902,53 triệu đồng; xã Đăk Rong: năm 2017: 1.032 triệu đồng, năm 2018: 2.724,4 triệu đồng, năm 2019: 1.728,4 triệu đồng; xã Kông Bò La: năm 2017: 1.097,7 triệu đồng, năm 2018: 900,9 triệu đồng, năm 2019: 1.053,6 triệu đồng; thị trấn: năm 2018: 2.001,9 triệu đồng, năm 2019: 2.136,8 triệu đồng...

⁹ Nghị quyết 89/2018/NQ-HĐND quy định về chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai

thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng; bố trí thêm kinh phí duy tu, sửa chữa đường giao thông nông thôn đối với các xã (*Đăk Hlo, Nghĩa An, xã Đông*)... để đề xuất trong thời gian tới.

3. Đối với Chi cục Thuế:

- Triển khai các giải pháp để phấn đấu thu đạt và vượt dự toán năm 2019 do HĐND huyện giao, nhất là các khoản thu cân đối chi thường xuyên.

- Phối hợp với các xã, thị trấn có số thu dự kiến năm 2019 đạt thấp (*Thị trấn Kbang, Nghĩa An, xã Đông, Kông Long Khong...*) triển khai quyết liệt các giải pháp để đảm bảo kinh phí cân đối chi thường xuyên của các xã, thị trấn.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn quản lý, khai thác các nguồn thu chưa quản lý tốt trên một số lĩnh vực: cây lâu năm thu hoạch một lần, kinh doanh vận tải, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản trên đất, đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân vượt hạn điền...

4. Đối với UBND các xã, thị trấn:

- Tăng cường công tác chỉ đạo thu ngân sách, phối hợp với Chi cục Thuế triển khai các giải pháp để hoàn thành dự toán thu ngân sách trên địa bàn năm 2019 và những năm tiếp theo.

- Phối hợp với Chi cục Thuế quản lý, khai thác các nguồn thu chưa được khai thác hiệu quả trên một số lĩnh vực: cây lâu năm thu hoạch một lần, kinh doanh vận tải, chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tài sản trên đất, đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân vượt hạn điền...

- Chủ động đưa vào dự toán hàng năm tất cả các nhiệm vụ chi để bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện đầy đủ, tránh việc để kết dư ngân sách hàng năm lớn nhưng một số nhiệm vụ chi không thực hiện.

5. Đối với HĐND các xã, thị trấn:

Nâng cao vai trò trong việc phân bổ ngân sách và tăng cường công tác giám sát việc sử dụng kinh phí cấp mình.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát về kết quả thực hiện việc phân bổ và sử dụng ngân sách hàng năm theo Nghị quyết của HĐND huyện./.

Noi nhận:

- TT. Huyện uỷ;
- TT. UBND huyện;
- Ban TT.UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện (K.VII);
- Các thành viên của Đoàn giám sát;
- Các cơ quan, đơn vị được giám sát;
- TT.HĐND-UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, VP^D, TH^{Ch}.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



HNgân

BÁO CÁO

Số liệu thu chi ngân sách địa phương từ năm 2017 đến năm 2019
 (Kèm theo Báo cáo số 37/BC-HĐND ngày 08/12/2019 của Thường trực HĐND huyện)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Dự toán HDND huyện giao	Quyết toán huyện giao	% So với HDND huyện giao	Dự toán HDND huyện giao	Quyết toán HDND huyện giao	% So với HDND huyện giao
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	340.392.000	476.387.796	140,0	385.521.000	514.663.339	133,5
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	28.030.000	33.556.109	119,7	34.771.000	34.633.209	99,6
I	Thu tiền sử dụng đất	5.500.000	10.762.253	195,7	6.400.000	9.079.362	141,9
II	Các khoản thu cần đổi chi thường xuyên	22.530.000	22.793.856	101,2	28.371.000	25.553.846	90,1
II	Thu bù sung từ ngân sách cấp tỉnh	310.912.000	390.096.272	125,5	334.143.000	361.150.737	108,1
-	Thu bù sung có mục tiêu	28.702.000	282.210.000	100,0	287.737.000	287.346.996	99,9
III	Thu các khoản quản lý thông qua ngân sách	1.450.000	4.792.210	330,5	1.135.000	2.412.238	212,5
IV	Thu kết dư		36.812.456	-	15.472.000	70.028.085	452,6
-	Cấp huyện		31.944.132		53.207.736		
-	Cấp xã		4.868.324		16.820.349		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		10.923.749	-	45.254.817	-	38.590.183
-	Cấp huyện		9.238.031		44.341.422		
-	Cấp xã		1.685.718		9.13.395		
VI	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên cấp trên		11.000	-	253.515	-	456.604
VII	Thu hồi các khoản chi năm trước		196.000	-	950.739	-	238.139
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	337.892.000	476.387.796	141,0	385.521.000	514.663.339	133,5
I	Chi cần đối ngân sách	336.442.000	352.799.479	104,9	384.386.000	369.792.267	96,2
1	Chi đầu tư phát triển	21.052.000	43.867.396	208,4	34.258.000	59.107.178	172,5
2	Chi thường xuyên	308.876.000	308.932.083	100,0	339.914.000	310.685.089	91,4



3	Dự phòng ngân sách	6.514.000		-	7.198.000		7.570.000
4	Chi từ nguồn tăng thu		-	3.016.000		500.000	
II	Chi quản lý thông qua ngân sách	1.450.000	1.019.390	70,3	1.135.000		1.539.198
III	Chi nộp ngân sách cấp trên		2.179.909	-		2.885.716	
IV	Chi các chương trình mục tiêu	5.106.116	-		23.053.700		
1	Chương trình MTQG xây dựng NTM	5.106.116	-		22.600.879		
2	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền		-		350.096		
3	Chương trình mục tiêu y tế - dân số		-		50.000		
4	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền		-		52.725		
V	Chuyển nguồn sang năm sau	45.254.817	-		38.590.183		
VI	Kết dư		70.028.085		78.440.088		52.483.748

BÁO CÁO
Số liệu chi ngân sách địa phương theo từng lĩnh vực từ năm 2017 đến năm 2019
(Kèm theo Báo cáo số 137/BC-HĐND ngày 18/12/2019 của Thường trực HĐND huyện)

Đơn vị: 1.000 đồng



Số tự	Chi tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019					
		DT HĐND huyện giao	Quyết toán So sánh	DT HĐND huyện giao	Quyết toán So sánh	DT HĐND huyện giao	UTH 31/12/2019	So sánh			
A	Chi cán đón ngân sách	336.442.000	357.905.595	106,4	381.370.000	392.845.966	103,0	396.125.000	561.880.402	141,8	
I	Chi đầu tư phát triển	21.052.000	43.867.396	208,4	34.258.000	59.107.178	172,5	38.354.000	156.850.000	409,0	
II	Chi thường xuyên	308.876.000	314.038.199	101,7	339.914.000	333.738.788	98,2	350.201.000	397.460.402	113,5	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	33.711.000	34.439.336	102,2	34.459.200	35.379.808	102,7	37.119.816	58.149.659	156,7	
2	Chi SN GD, ĐT và dạy nghề	157.914.000	159.332.240	100,9	181.135.000	166.771.941	92,1	180.490.000	189.697.900	105,1	
3	Chi SN Y tế (gồm: DS KHHGD)	2.990.000	3.030.445	101,4	3.037.446	3.004.048	98,9	3.150.706	1.086.020	34,5	
4	Chi SN môi trường	4.302.000	1.559.336	36,2	4.044.000	1.029.673	25,5	4.044.000	7.488.000	185,2	
5	Chi SN văn hóa thông tin	2.018.000	2.759.923	136,8	2.018.000	5.304.463	262,9	2.089.071	4.551.809	217,9	
6	Chi SN truyền thanh - truyền hình	1.375.000	1.372.829	99,8	1.375.000	1.271.764	92,5	1.450.854	1.475.854	101,7	
7	Chi SN thể dục thể thao	743.000	1.759.238	236,8	701.000	559.134	79,8	701.000	701.000	100,0	
8	Chi đảm bảo xã hội	8.715.000	11.441.887	131,3	9.295.000	11.767.781	126,6	11.705.000	13.548.000	115,7	
9	Chi SN khoa học, công nghệ	350.000	350.000	100,0	350.000	254.020	72,6	350.000	445.980	127,4	
10	Chi quản lý hành chính	89.647.000	82.781.121	92,3	96.888.354	97.914.225	101,1	102.088.203	106.200.039	104,0	
11	Chi An ninh - Quốc phòng	5.754.000	12.948.486	225,0	5.254.000	10.481.932	199,5	5.070.000	12.759.141	251,7	
12	Chi khác ngân sách	1.357.000	2.263.359	166,8	1.357.000	-	1.357.000	1.357.000	100,0		
13	Kinh phí thực hiện ND 116/2010/NĐ-CP chưa bố trí	-	-	-	-	-	585.350	-	-		
14	Chi hoàn trả khoản thu	-	-	-	-	-	-	7.262	-		
III	Dự phòng	6.514.000	1.019.390	-	7.198.000	-	7.570.000	7.570.000	100,0		
B	Các khoản chi được QL qua NS	1.450.000	-	1.135.000	-	-	-	1.539.198	-		
C	Chi từ nguồn tăng thu	-	-	3.016.000	-	-	500.000	-	-		
E	Chi nộp NS cấp trên	-	2.179.909	-	-	4.807.102	-	2.885.716	-		
F	Chi chuyển nguồn	-	45.254.817	-	-	38.590.183	-	-	-		
	Tổng cộng (A+B+C+E+F)	337.892.000	406.359.711	120,3	385.521.000	436.243.251	113,2	396.625.000	566.305.315	142,8	